

**KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B**

NGÀY KIỂM TRA: 21/7/2018

| TT | Họ và tên            | SBD   | Ngày sinh  | Nơi sinh                           | Điểm đọc | Điểm viết | Điểm nghe | Điểm nói | Điểm TBC   | Kết quả xếp loại | Ghi chú |
|----|----------------------|-------|------------|------------------------------------|----------|-----------|-----------|----------|------------|------------------|---------|
| 1  | Lê Thị Anh           | TAB01 | 10/10/1966 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5      | 7,0       | 6,5       | 5,0      | <b>6,5</b> | Trung bình       |         |
| 2  | Vũ Hoài Anh          | TAB02 | 13/6/1975  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0      | 6,5       | 6,5       | 7,0      | <b>7,0</b> | Khá              |         |
| 3  | Nguyễn Thị Hồng Ánh  | TAB03 | 23/4/1995  | Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang | 8,0      | 5,5       | 4,5       | 5,0      | <b>5,8</b> | Trung bình       |         |
| 4  | Nguyễn Thị Bắc       | TAB04 | 17/10/1978 | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang   | 9,0      | 9,5       | 8,0       | 6,0      | <b>8,1</b> | Khá              |         |
| 5  | Thân Thị Ngọc Bích   | TAB05 | 01/02/1975 | Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 8,0       | 8,0       | 6,0      | <b>7,4</b> | Khá              |         |
| 6  | Nguyễn Thị Cánh      | TAB06 | 22/10/1971 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,0      | 6,0       | 5,5       | 5,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 7  | Nguyễn Thị Châm      | TAB07 | 03/9/1986  | Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang  | 9,0      | 7,5       | 9,0       | 6,0      | <b>7,9</b> | Khá              |         |
| 8  | Lưu Thị Chi          | TAB08 | 08/5/1976  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 8,0       | 6,5       | 6,0      | <b>7,0</b> | Khá              |         |
| 9  | Nguyễn Thị Thu Chính | TAB09 | 02/3/1971  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0      | 6,5       | 5,5       | 5,0      | <b>6,0</b> | Trung bình       |         |
| 10 | Nguyễn Thị Cúc       | TAB10 | 07/9/1995  | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,0      | 7,5       | 5,5       | 7,0      | <b>6,8</b> | Trung bình       |         |
| 11 | Nguyễn Thị Kim Cúc   | TAB11 | 10/5/1979  | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang  | 8,0      | 7,5       | 5,5       | 4,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 12 | Dương Văn Cường      | TAB12 | 04/6/1984  | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 7,0       | 6,5       | 7,0      | <b>7,0</b> | Khá              |         |
| 13 | Đỗ Viết Cường        | TAB13 | 22/12/1982 | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang   | 6,5      | 8,0       | 5,0       | 3,0      | <b>5,6</b> | Trung bình       |         |
| 14 | Nguyễn Bích Diệp     | TAB14 | 15/12/1970 | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0      | 7,0       | 5,5       | 5,0      | <b>6,1</b> | Trung bình       |         |
| 15 | Nguyễn Văn Diệp      | TAB15 | 18/8/1970  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 5,5       | 4,5       | 6,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 16 | Diêm Thị Đình        | TAB16 | 27/3/1972  | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 6,5       | 6,0       | 5,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 17 | Đào Thị Dung         | TAB17 | 25/02/1983 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 8,0       | 8,0       | 6,0      | <b>7,4</b> | Khá              |         |
| 18 | Đỗ Thị Thùy Dung     | TAB18 | 12/02/1982 | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5      | 6,0       | 5,0       | 7,0      | <b>6,4</b> | Trung bình       |         |
| 19 | Nguyễn Thị Dung      | TAB19 | 04/4/1984  | Phương Sơn - Lục Nam - Bắc Giang   | 8,5      | 8,0       | 6,5       | 6,0      | <b>7,3</b> | Khá              |         |
| 20 | Trần Thị Dung        | TAB20 | 04/6/1986  | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0      | 6,5       | 7,5       | 4,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 21 | Ngô Mạnh Dũng        | TAB21 | 21/9/1981  | Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,5      | 6,0       | 4,5       | 6,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 22 | Trần Đăng Dũng       | TAB22 | 12/01/1986 | Nhân Hòa - Quế Võ - Bắc Ninh       |          |           |           | -        | -          | -                | Bảo lưu |
| 23 | Trần Văn Hùng Dũng   | TAB23 | 12/12/1977 | Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 6,5      | 8,0       | 5,5       | 5,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 24 | Lê Thị Duyên         | TAB24 | 16/7/1995  | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,5      | 8,0       | 6,5       | 5,0      | <b>6,8</b> | Trung bình       |         |
| 25 | Nguyễn Đăng Đại      | TAB25 | 08/10/1977 | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 7,0       | 5,0       | 4,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 26 | Nguyễn Văn Đăng      | TAB26 | 27/10/1984 | Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,0      | 7,5       | 6,0       | 5,0      | <b>6,4</b> | Trung bình       |         |
| 27 | Chu Trọng Định       | TAB27 | 13/12/1977 | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0      | 7,5       | 6,5       | 5,0      | <b>6,5</b> | Trung bình       |         |
| 28 | Nguyễn Công Đoàn     | TAB28 | 01/8/1984  | Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang  | 8,5      | 6,0       | 4,5       | 6,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 29 | Trần Thị Được        | TAB29 | 10/10/1970 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5      | 8,0       | 6,0       | 5,0      | <b>6,6</b> | Trung bình       |         |
| 30 | Trần Thị Gấm         | TAB30 | 21/12/1970 | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang   | 6,0      | 7,5       | 8,0       | 3,0      | <b>6,1</b> | Trung bình       |         |
| 31 | Lưu Thị Hưng Giang   | TAB31 | 22/11/1977 | Mỹ Hà - Lạng Giang - Bắc Giang     | 8,0      | 7,0       | 6,0       | 7,0      | <b>7,0</b> | Khá              |         |

| TT | Họ và tên       |       | SBD          | Ngày sinh  | Nơi sinh                             | Điểm<br>đọc | Điểm<br>viết | Điểm<br>nghe | Điểm<br>nói | Điểm<br>TBC | Kết quả<br>xếp loại | Ghi chú |
|----|-----------------|-------|--------------|------------|--------------------------------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|---------------------|---------|
| 32 | Nguyễn Thị      | Giang | <b>TAB32</b> | 15/8/1987  | Sơn Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang       | 7,5         | 7,5          | 5,5          | 6,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 33 | Nguyễn Thị Ân   | Giang | <b>TAB33</b> | 21/9/1970  | Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,0         | 6,0          | 6,0          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 34 | Đỗ Thị          | Hà    | <b>TAB34</b> | 20/9/1975  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5         | 6,5          | 5,0          | 6,0         | <b>6,3</b>  | Trung bình          |         |
| 35 | Lương Thanh     | Hà    | <b>TAB35</b> | 08/8/1973  | Song Mai - TP.Bắc Giang - Bắc Giang  | 7,0         | 7,0          | 6,0          | 6,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 36 | Ngô Thị Thu     | Hà    | <b>TAB36</b> | 07/01/1983 | Đáp Cầu - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh     | 8,0         | 7,0          | 6,0          | 5,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 37 | Vũ Thị          | Hà    | <b>TAB37</b> | 01/12/1974 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,0         | 8,0          | 4,5          | 6,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 38 | Diêm Đăng       | Hải   | <b>TAB38</b> | 05/02/1985 | Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,5         | 8,0          | 5,5          | 6,0         | <b>6,8</b>  | Trung bình          |         |
| 39 | Đỗ Thị          | Hải   | <b>TAB39</b> | 28/9/1972  | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5         | 7,0          | 5,0          | 7,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 40 | Hoàng Thị Hồng  | Hải   | <b>TAB40</b> | 07/9/1970  | Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang     | 6,0         | 8,0          | 6,0          | 6,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 41 | Nguyễn Đức      | Hải   | <b>TAB41</b> | 18/8/1970  | Tân Hồng - Từ Sơn - Bắc Ninh         | 8,0         | 5,0          | 5,5          | 3,0         | <b>5,4</b>  | Trung bình          |         |
| 42 | Lý Thị          | Hành  | <b>TAB42</b> | 09/7/1994  | Kiên Lao - Lục Ngạn - Bắc Giang      | 7,0         | 7,5          | 6,0          | 6,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 43 | Phạm Thị        | Hạnh  | <b>TAB43</b> | 15/10/1982 | Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang   | 6,5         | 8,0          | 5,5          | 5,0         | <b>6,3</b>  | Trung bình          |         |
| 44 | Nguyễn Thị      | Hảo   | <b>TAB44</b> | 21/5/1971  | Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,5         | 8,5          | 6,5          | 4,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 45 | Nguyễn Thị      | Hảo   | <b>TAB45</b> | 21/6/1971  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,5         | 5,5          | 4,5          | 6,0         | <b>5,9</b>  | Trung bình          |         |
| 46 | Phạm Bích       | Hảo   | <b>TAB46</b> | 28/01/1973 | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,0         | 7,0          | 3,5          | 3,0         | <b>5,4</b>  | Trung bình          |         |
| 47 | Đào Thị         | Hằng  | <b>TAB47</b> | 02/01/1966 | Tân Mỹ - Yên Dũng - Bắc Giang        | 7,0         | 7,0          | 7,0          | 3,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 48 | Đinh Thị        | Hằng  | <b>TAB48</b> | 10/02/1974 | Minh Cường - Thường Tín - Hà Nội     | 6,5         | 7,0          | 6,0          | 3,0         | <b>5,6</b>  | Trung bình          |         |
| 49 | Đinh Thị        | Hằng  | <b>TAB49</b> | 30/4/1973  | Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,5         | 7,0          | 3,5          | 6,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 50 | Hoàng Thị       | Hằng  | <b>TAB50</b> | 24/4/1973  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,0         | 6,0          | 6,5          | 5,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 51 | Lê Thị Thúy     | Hằng  | <b>TAB51</b> | 15/8/1976  | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang        |             |              |              | -           | -           | -                   | Bảo lưu |
| 52 | Nguyễn Thị      | Hằng  | <b>TAB52</b> | 03/7/1979  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 6,5         | 6,5          | 8,0          | 3,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 53 | Nguyễn Thị      | Hằng  | <b>TAB53</b> | 11/8/1975  | Trung Khê - Lương Tài - Bắc Ninh     | 7,0         | 7,5          | 6,5          | 3,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 54 | Nguyễn Thị      | Hằng  | <b>TAB54</b> | 29/3/1980  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 8,0         | 7,0          | 6,0          | 7,0         | <b>7,0</b>  | Khá                 |         |
| 55 | Nguyễn Thị      | Hằng  | <b>TAB55</b> | 08/10/1993 | Nénh - Việt Yên - Bắc Giang          | 7,0         | 7,0          | 5,5          | 4,0         | <b>5,9</b>  | Trung bình          |         |
| 56 | Nguyễn Thị      | Hằng  | <b>TAB56</b> | 09/6/1981  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,0         | 7,5          | 4,5          | 3,0         | <b>5,5</b>  | Trung bình          |         |
| 57 | Nguyễn Thị      | Hằng  | <b>TAB57</b> | 18/01/1979 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 8,0         | 5,5          | 5,5          | 6,0         | <b>6,3</b>  | Trung bình          |         |
| 58 | Nguyễn Thị Minh | Hằng  | <b>TAB58</b> | 19/9/1970  | Xuân Canh - Đông Anh - Hà Nội        | 6,5         | 7,0          | 4,5          | 7,0         | <b>6,3</b>  | Trung bình          |         |
| 59 | Trần Thị        | Hằng  | <b>TAB59</b> | 14/3/1974  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 6,5         | 8,0          | 5,5          | 6,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 60 | Đặng Thị        | Hiền  | <b>TAB60</b> | 25/7/1992  | Ngô Quyền - TP.Bắc Giang - Bắc Giang | 7,5         | 8,0          | 5,5          | 7,0         | <b>7,0</b>  | Trung bình          |         |
| 61 | Hoàng Thị Thu   | Hiền  | <b>TAB61</b> | 17/9/1981  | Bồ Hạ - Yên Thế - Bắc Giang          | 8,0         | 5,5          | 3,5          | 5,0         | <b>5,5</b>  | Trung bình          |         |
| 62 | Nguyễn Thị      | Hiền  | <b>TAB62</b> | 01/5/1981  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,5         | 7,5          | 6,0          | 6,0         | <b>6,8</b>  | Trung bình          |         |
| 63 | Nguyễn Thị      | Hiền  | <b>TAB63</b> | 20/12/1969 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 8,0         | 7,5          | 5,0          | 5,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 64 | Nguyễn Thị Thu  | Hiền  | <b>TAB64</b> | 10/9/1972  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,0         | 8,0          | 4,5          | 3,0         | <b>5,6</b>  | Trung bình          |         |
| 65 | Nguyễn Thị      | Hiền  | <b>TAB65</b> | 03/02/1968 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 8,0         | 8,0          | 5,5          | 7,0         | <b>7,1</b>  | Trung bình          |         |
| 66 | Đoàn Thị Việt   | Hoa   | <b>TAB66</b> | 26/01/1976 | Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 9,0         | 6,0          | 5,5          | 6,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 67 | Tổng Thị        | Hoa   | <b>TAB67</b> | 03/02/1970 | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,5         | 8,5          | 6,5          | 3,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 68 | Chu Thị Như     | Hòa   | <b>TAB68</b> | 16/02/1974 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5         | 7,0          | 4,5          | 3,0         | <b>5,5</b>  | Trung bình          |         |

| TT  | Họ và tên       |       | SBD           | Ngày sinh  | Nơi sinh                           | Điểm<br>đọc | Điểm<br>viết | Điểm<br>nghe | Điểm<br>nói | Điểm<br>TBC | Kết quả<br>xếp loại | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------|---------------|------------|------------------------------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|---------------------|---------|
| 69  | Lương Thị       | Hòa   | <b>TAB69</b>  | 04/6/1979  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5         | 6,5          | 5,0          | 3,0         | <b>5,5</b>  | Trung bình          |         |
| 70  | Thân Thị        | Hòa   | <b>TAB70</b>  | 08/3/1982  | Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0         | 7,5          | 4,5          | 6,0         | <b>6,3</b>  | Trung bình          |         |
| 71  | Lưu Thị Thu     | Hoài  | <b>TAB71</b>  | 17/6/1970  | Ngọc Vân - Tân Yên - Bắc Giang     | 7,0         | 7,5          | 4,5          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 72  | Nguyễn Thị      | Hoan  | <b>TAB72</b>  | 20/3/1970  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0         | 5,5          | 5,5          | 3,0         | <b>5,3</b>  | Trung bình          |         |
| 73  | Nguyễn Thị      | Hoan  | <b>TAB73</b>  | 28/7/1984  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5         | 8,0          | 6,5          | 6,0         | <b>7,0</b>  | Khá                 |         |
| 74  | Đỗ Thị Thu      | Hoàn  | <b>TAB74</b>  | 05/3/1983  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,0         | 7,0          | 5,0          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 75  | Nguyễn Thị      | Hồng  | <b>TAB75</b>  | 25/7/1987  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang   | 9,0         | 7,5          | 6,0          | 7,0         | <b>7,4</b>  | Khá                 |         |
| 76  | Trần Thị        | Hồng  | <b>TAB76</b>  | 28/12/1973 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 8,0         | 5,5          | 4,5          | 5,0         | <b>5,8</b>  | Trung bình          |         |
| 77  | Hoàng Thị       | Hội   | <b>TAB77</b>  | 08/4/1971  | Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang     | 7,0         | 7,0          | 6,0          | 6,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 78  | Vũ Thị Kim      | Huế   | <b>TAB78</b>  | 02/10/1970 | Lê Lợi - TP.Bắc Giang - Bắc Giang  | 7,0         | 7,5          | 5,0          | 5,0         | <b>6,1</b>  | Trung bình          |         |
| 79  | Leo Thị         | Huệ   | <b>TAB79</b>  | 24/8/1982  | Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang         | 8,5         | 6,0          | 6,5          | 5,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 80  | Trần Thị Mỹ     | Huệ   | <b>TAB80</b>  | 07/10/1973 | Thanh Hương - Thanh Liêm - Hà Nam  | 7,0         | 6,5          | 6,0          | 5,0         | <b>6,1</b>  | Trung bình          |         |
| 81  | Chu Văn         | Hùng  | <b>TAB81</b>  | 10/01/1979 | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,0         | 7,0          | 6,5          | 4,0         | <b>6,1</b>  | Trung bình          |         |
| 82  | Thân Ngọc       | Huy   | <b>TAB82</b>  | 20/7/1982  | Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5         | 6,0          | 5,5          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 83  | Chu Thị         | Huyền | <b>TAB83</b>  | 23/4/1981  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5         | 8,0          | 6,0          | 6,5         | <b>7,0</b>  | Khá                 |         |
| 84  | Dương Thị Thanh | Huyền | <b>TAB84</b>  | 09/3/1979  | Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0         | 6,0          | 6,5          | 6,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 85  | Đỗ Thị          | Huyền | <b>TAB85</b>  | 17/5/1986  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,5         | 7,0          | 7,0          | 5,5         | <b>7,0</b>  | Trung bình          |         |
| 86  | Nguyễn Thị      | Huyền | <b>TAB86</b>  | 28/7/1975  | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5         | 6,5          | 5,0          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 87  | Nguyễn Thị      | Huyền | <b>TAB87</b>  | 02/12/1981 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5         | 7,5          | 5,5          | 6,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 88  | Nguyễn Thị Bích | Huyền | <b>TAB88</b>  | 16/12/1974 | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0         | 7,5          | 4,5          | 4,0         | <b>5,8</b>  | Trung bình          |         |
| 89  | Tô Thị Bích     | Huyền | <b>TAB89</b>  | 01/12/1975 | Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang | 7,5         | 6,0          | 6,5          | 6,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 90  | Trần Văn        | Hưng  | <b>TAB90</b>  | 30/6/1966  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,0         | 7,0          | 6,0          | 3,0         | <b>5,8</b>  | Trung bình          |         |
| 91  | Đỗ Thị          | Hương | <b>TAB91</b>  | 16/8/1988  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,0         | 8,0          | 6,5          | 6,5         | <b>7,0</b>  | Khá                 |         |
| 92  | Hoàng Thị Vân   | Hương | <b>TAB92</b>  | 04/9/1971  | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang   | 6,5         | 5,5          | 7,0          | 4,0         | <b>5,8</b>  | Trung bình          |         |
| 93  | Nguyễn Thị Thu  | Hương | <b>TAB93</b>  | 10/10/1982 | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5         | 7,0          | 5,5          | 6,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 94  | Trần Thị Diệu   | Hương | <b>TAB94</b>  | 02/6/1986  | Nền - Việt Yên - Bắc Giang         | 8,0         | 7,5          | 5,0          | 7,0         | <b>6,9</b>  | Trung bình          |         |
| 95  | Võ Thị Mai      | Hương | <b>TAB95</b>  | 23/01/1974 | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang  | 8,0         | 6,0          | 7,5          | 5,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 96  | Vũ Thị          | Hương | <b>TAB96</b>  | 19/4/1977  | Nghĩa Lộ - Yên Bái                 | 7,0         | 7,5          | 6,0          | 4,0         | <b>6,1</b>  | Trung bình          |         |
| 97  | Vũ Thị Lan      | Hương | <b>TAB97</b>  | 24/12/1971 | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,5         | 7,0          | 6,0          | 6,5         | <b>7,0</b>  | Khá                 |         |
| 98  | Dương Thị Bích  | Hường | <b>TAB98</b>  | 26/02/1983 | Ngọc Vân - Tân Yên - Bắc Giang     | 8,0         | 7,0          | 6,0          | 5,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 99  | Nguyễn Thị      | Hường | <b>TAB99</b>  | 11/12/1989 | Đức Thắng - Hiệp Hòa - Bắc Giang   | 7,0         | 7,0          | 6,5          | 7,5         | <b>7,0</b>  | Khá                 |         |
| 100 | Nguyễn Thị      | Hường | <b>TAB100</b> | 01/11/1970 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5         | 6,0          | 6,0          | 5,0         | <b>6,1</b>  | Trung bình          |         |
| 101 | Nguyễn Thị Thu  | Hường | <b>TAB101</b> | 24/8/1983  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0         | 7,0          | 8,5          | 7,0         | <b>7,4</b>  | Khá                 |         |
| 102 | Phạm Thị Thanh  | Hường | <b>TAB102</b> | 02/5/1975  | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0         | 5,5          | 6,5          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 103 | Phùng Thị       | Hường | <b>TAB103</b> | 10/8/1982  | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5         | 8,5          | 7,0          | 6,0         | <b>7,3</b>  | Khá                 |         |
| 104 | Tổng Thị        | Kim   | <b>TAB104</b> | 28/8/1969  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0         | 6,0          | 5,5          | 3,0         | <b>5,6</b>  | Trung bình          |         |
| 105 | Đỗ Thị          | Là    | <b>TAB105</b> | 02/7/1970  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5         | 6,0          | 6,0          | 6,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |

| TT  | Họ và tên        |       | SBD    | Ngày sinh  | Nơi sinh                             | Điểm<br>đọc | Điểm<br>viết | Điểm<br>nghe | Điểm<br>nói | Điểm<br>TBC | Kết quả<br>xếp loại | Ghi chú |
|-----|------------------|-------|--------|------------|--------------------------------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|---------------------|---------|
| 106 | Đinh Thị         | Lan   | TAB106 | 21/7/1971  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,0         | 5,5          | 4,5          | 4,0         | 5,5         | Trung bình          |         |
| 107 | Hoàng Thị Ngọc   | Lan   | TAB107 | 10/5/1980  | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0         | 7,0          | 5,5          | 6,0         | 6,4         | Trung bình          |         |
| 108 | Trần Thị         | Lan   | TAB108 | 11/9/1986  | Đông Lỗ - Hiệp Hòa - Bắc Giang       | 8,0         | 7,5          | 7,0          | 6,0         | 7,1         | Khá                 |         |
| 109 | Lý Thị           | Lành  | TAB109 | 04/9/1980  | Tuần Đạo - Sơn Động - Bắc Giang      | 8,0         | 6,0          | 8,0          | 6,0         | 7,0         | Khá                 |         |
| 110 | Nguyễn Thị       | Lành  | TAB110 | 24/4/1983  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,5         | 7,5          | 6,0          | 7,0         | 7,0         | Khá                 |         |
| 111 | Chu Thị          | Lệ    | TAB111 | 18/6/1975  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,5         | 6,5          | 5,5          | 6,0         | 6,6         | Trung bình          |         |
| 112 | Lê Thị           | Liều  | TAB112 | 21/11/1985 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 8,0         | 6,5          | 6,5          | 4,0         | 6,3         | Trung bình          |         |
| 113 | Dương Thị Hồng   | Linh  | TAB113 | 20/11/1994 | Đa Mai - TP.Bắc Giang - Bắc Giang    | 7,5         | 7,5          | 7,0          | 7,0         | 7,3         | Khá                 |         |
| 114 | Nguyễn Trần Thùy | Linh  | TAB114 | 25/9/1989  | Hòa Sơn - Hiệp Hòa - Bắc Giang       | 7,5         | 6,5          | 8,5          | 6,0         | 7,1         | Khá                 |         |
| 115 | Vũ Thị Thùy      | Linh  | TAB115 | 08/01/1982 | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,0         | 7,0          | 7,5          | 4,0         | 6,6         | Trung bình          |         |
| 116 | Đỗ Thị           | Loan  | TAB116 | 24/10/1991 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0         | 6,0          | 4,5          | 7,0         | 6,1         | Trung bình          |         |
| 117 | Đỗ Thị           | Loan  | TAB117 | 01/01/1972 | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,5         | 7,0          | 6,5          | 3,0         | 6,3         | Trung bình          |         |
| 118 | Vũ Phương        | Loan  | TAB118 | 11/9/1977  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,0         | 7,0          | 5,0          | 5,0         | 6,0         | Trung bình          |         |
| 119 | Nguyễn Minh      | Long  | TAB119 | 02/10/1982 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      |             |              |              | -           | -           | -                   | Bảo lưu |
| 120 | Nguyễn Văn       | Lung  | TAB120 | 24/4/1981  | Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,5         | 8,0          | 5,0          | 4,0         | 6,1         | Trung bình          |         |
| 121 | Nguyễn Thị       | Luyến | TAB121 | 24/5/1991  | Việt Ngọc - Tân Yên - Bắc Giang      | 7,5         | 6,0          | 8,0          | 6,5         | 7,0         | Khá                 |         |
| 122 | Trần Thị         | Luyến | TAB122 | 26/3/1975  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 8,0         | 7,0          | 6,0          | 4,0         | 6,3         | Trung bình          |         |
| 123 | Nguyễn Thị       | Lụng  | TAB123 | 27/12/1974 | Thị trấn Nénh - Việt Yên - Bắc Giang | 8,0         | 8,0          | 5,0          | 5,0         | 6,5         | Trung bình          |         |
| 124 | Nguyễn Hữu       | Lưu   | TAB124 | 22/12/1981 | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang    | 6,5         | 5,5          | 7,0          | 4,0         | 5,8         | Trung bình          |         |
| 125 | Giáp Thị         | Lý    | TAB125 | 24/7/1981  | Quế Nham - Tân Yên - Bắc Giang       | 7,0         | 7,0          | 4,5          | 5,0         | 5,9         | Trung bình          |         |
| 126 | Nguyễn Thị       | Lý    | TAB126 | 17/11/1994 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,0         | 6,0          | 6,0          | 7,0         | 6,5         | Trung bình          |         |
| 127 | Nguyễn Thị       | Lý    | TAB127 | 20/4/1971  | Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang    | 9,0         | 8,0          | 6,0          | 4,0         | 6,8         | Trung bình          |         |
| 128 | Nguyễn Thị Hương | Lý    | TAB128 | 07/12/1994 | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,0         | 7,0          | 5,0          | 7,0         | 6,5         | Trung bình          |         |
| 129 | Tổng Thị         | Lý    | TAB129 | 14/4/1973  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 8,0         | 6,0          | 7,0          | 4,0         | 6,3         | Trung bình          |         |
| 130 | Vũ Thị           | Lý    | TAB130 | 16/3/1970  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,0         | 5,5          | 6,0          | 4,0         | 5,9         | Trung bình          |         |
| 131 | Đặng Thị         | Mai   | TAB131 | 16/02/1987 | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,0         | 7,0          | 6,0          | 6,0         | 6,5         | Trung bình          |         |
| 132 | Đỗ Thị           | Mai   | TAB132 | 15/01/1972 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0         | 5,0          | 4,5          | 4,0         | 5,1         | Trung bình          |         |
| 133 | Nguyễn Thị       | Mai   | TAB133 | 05/6/1975  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 7,0         | 6,5          | 7,0          | 6,0         | 6,6         | Trung bình          |         |
| 134 | Nguyễn Thị       | Mai   | TAB134 | 27/3/1978  | Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,5         | 7,0          | 8,0          | 6,0         | 7,4         | Khá                 |         |
| 135 | Nguyễn Thị       | Mận   | TAB135 | 29/4/1975  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang      | 8,0         | 8,0          | 5,0          | 4,0         | 6,3         | Trung bình          |         |
| 136 | Nguyễn Văn       | Minh  | TAB136 | 20/6/1994  | Lưu Hoàng - Ứng Hòa - Hà Nội         | 8,0         | 6,0          | 4,5          | 4,0         | 5,6         | Trung bình          |         |
| 137 | Nguyễn Thị       | Mơ    | TAB137 | 12/11/1982 | Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0         | 8,5          | 7,0          | 6,0         | 7,1         | Khá                 |         |
| 138 | Nguyễn Thị       | Mùi   | TAB138 | 03/12/1979 | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,5         | 7,0          | 7,0          | 6,0         | 7,1         | Khá                 |         |
| 139 | Dương Thị        | Mười  | TAB139 | 18/02/1972 | Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,5         | 6,0          | 5,0          | 4,0         | 5,6         | Trung bình          |         |
| 140 | Chu Bá           | Nam   | TAB140 | 06/8/1969  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5         | 6,5          | 4,5          | 4,0         | 5,6         | Trung bình          |         |
| 141 | Đặng Thị Thanh   | Nga   | TAB141 | 08/12/1981 | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,5         | 6,0          | 4,5          | 7,0         | 6,3         | Trung bình          |         |
| 142 | Đỗ Thị           | Nga   | TAB142 | 20/11/1970 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0         | 7,0          | 4,0          | 4,0         | 5,5         | Trung bình          |         |

| TT  | Họ và tên       |        | SBD           | Ngày sinh  | Nơi sinh                            | Điểm đọc | Điểm viết | Điểm nghe | Điểm nói | Điểm TBC   | Kết quả xếp loại | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------|---------------|------------|-------------------------------------|----------|-----------|-----------|----------|------------|------------------|---------|
| 143 | Nguyễn Thị      | Nghĩa  | <b>TAB143</b> | 20/9/1974  | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0      | 7,0       | 5,0       | 4,0      | <b>5,8</b> | Trung bình       |         |
| 144 | Đỗ Thị          | Ngọc   | <b>TAB144</b> | 01/01/1991 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 7,0       | 5,0       | 6,0      | <b>6,4</b> | Trung bình       |         |
| 145 | Ngô Thị         | Ngọc   | <b>TAB145</b> | 30/4/1975  | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang    |          |           |           | -        | -          | -                | Bảo lưu |
| 146 | Nguyễn Thị      | Ngọc   | <b>TAB146</b> | 21/7/1973  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0      | 7,0       | 6,0       | 3,0      | <b>5,8</b> | Trung bình       |         |
| 147 | Thân Thị        | Ngọc   | <b>TAB147</b> | 25/7/1980  | Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 7,5       | 5,5       | 5,0      | <b>6,4</b> | Trung bình       |         |
| 148 | Đỗ Thị          | Nguyệt | <b>TAB148</b> | 10/01/1973 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0      | 6,5       | 6,0       | 4,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 149 | Nguyễn Thị Minh | Nguyệt | <b>TAB149</b> | 27/7/1982  | Nénh - Việt Yên - Bắc Giang         | 8,0      | 7,5       | 4,5       | 6,0      | <b>6,5</b> | Trung bình       |         |
| 150 | Hoàng Thị       | Nhàn   | <b>TAB150</b> | 20/7/1964  | Vũ Xá - Lục Nam - Bắc Giang         | 7,5      | 7,5       | 6,0       | 3,0      | <b>6,0</b> | Trung bình       |         |
| 151 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung  | <b>TAB151</b> | 12/9/1991  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     |          |           |           | -        | -          | -                | Bảo lưu |
| 152 | Nguyễn Thị      | Nhượng | <b>TAB152</b> | 20/5/1979  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0      | 7,5       | 4,5       | 4,0      | <b>5,8</b> | Trung bình       |         |
| 153 | Tạ Thị Huynh    | Oanh   | <b>TAB153</b> | 29/8/1982  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 6,0      | 7,0       | 5,0       | 7,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 154 | Trần Thị Kim    | Oanh   | <b>TAB154</b> | 06/5/1996  | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang       | 7,5      | 7,5       | 5,5       | 6,0      | <b>6,6</b> | Trung bình       |         |
| 155 | Đoàn Thị        | Phương | <b>TAB155</b> | 08/6/1976  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,0      | 6,5       | 6,5       | 7,0      | <b>7,0</b> | Khá              |         |
| 156 | Ngô Đức         | Phương | <b>TAB156</b> | 04/02/1970 | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0      | 6,5       | 6,0       | 5,0      | <b>6,1</b> | Trung bình       |         |
| 157 | Nguyễn Đình     | Phương | <b>TAB157</b> | 12/11/1981 | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0      | 7,5       | 8,0       | 4,0      | <b>6,9</b> | Trung bình       |         |
| 158 | Phạm Thị        | Phương | <b>TAB158</b> | 18/5/1969  | Nénh - Việt Yên - Bắc Giang         | 7,0      | 6,5       | 6,5       | 5,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 159 | Chu Thị         | Phượng | <b>TAB159</b> | 04/9/1992  | Tân Mộc - Lục Ngạn - Bắc Giang      | 7,0      | 8,0       | 6,5       | 7,0      | <b>7,1</b> | Khá              |         |
| 160 | Nguyễn Thị      | Phượng | <b>TAB160</b> | 28/7/1972  | Song Mai - TP.Bắc Giang - Bắc Giang | 7,0      | 6,5       | 6,0       | 4,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 161 | Nguyễn Thị      | Phượng | <b>TAB161</b> | 17/6/1975  | Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,0      | 7,5       | 5,0       | 5,0      | <b>6,4</b> | Trung bình       |         |
| 162 | Phạm Thị        | Phượng | <b>TAB162</b> | 06/02/1989 | Yên Dũng - Bắc Giang                | 7,0      | 6,0       | 6,0       | 5,0      | <b>6,0</b> | Trung bình       |         |
| 163 | Vũ Thị          | Phượng | <b>TAB163</b> | 18/10/1994 | Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,0      | 7,5       | 6,0       | 7,0      | <b>7,1</b> | Khá              |         |
| 164 | Nguyễn Hồng     | Quang  | <b>TAB164</b> | 28/11/1983 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,5      | 5,5       | 7,0       | 7,0      | <b>7,0</b> | Trung bình       |         |
| 165 | Hoàng Văn       | Quý    | <b>TAB165</b> | 10/10/1963 | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 6,0       | 7,5       | 5,0      | <b>6,5</b> | Trung bình       |         |
| 166 | Bùi Thị         | Quý    | <b>TAB166</b> | 30/3/1974  | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0      | 6,0       | 7,5       | 4,0      | <b>6,1</b> | Trung bình       |         |
| 167 | Lê Thị          | Quý    | <b>TAB167</b> | 29/01/1971 | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang       | 8,0      | 5,5       | 4,0       | 4,0      | <b>5,4</b> | Trung bình       |         |
| 168 | Nguyễn Thị      | Quý    | <b>TAB168</b> | 20/11/1969 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,5      | 6,0       | 5,5       | 4,0      | <b>5,8</b> | Trung bình       |         |
| 169 | Thân Văn        | Quý    | <b>TAB169</b> | 02/01/1982 | Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang    | 6,0      | 5,5       | 4,5       | 6,0      | <b>5,5</b> | Trung bình       |         |
| 170 | Dương Thị       | Quyên  | <b>TAB170</b> | 01/4/1985  | Nam Tiến - Phò Yên - Thái Nguyên    | 7,0      | 6,5       | 7,0       | 6,0      | <b>6,6</b> | Trung bình       |         |
| 171 | Đoàn Thị        | Quyên  | <b>TAB171</b> | 15/11/1979 | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0      | 7,5       | 4,5       | 4,0      | <b>6,0</b> | Trung bình       |         |
| 172 | Nguyễn Thị      | Quyên  | <b>TAB172</b> | 13/9/1979  | TP.Bắc Giang - Bắc Giang            | 7,0      | 5,0       | 5,0       | 5,0      | <b>5,5</b> | Trung bình       |         |
| 173 | Ngô Văn         | Quyết  | <b>TAB173</b> | 26/9/1978  | Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 9,0      | 8,0       | 7,0       | 4,0      | <b>7,0</b> | Trung bình       |         |
| 174 | Nguyễn Thị      | Quyết  | <b>TAB174</b> | 01/9/1988  | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 7,0       | 7,5       | 6,0      | <b>7,0</b> | Khá              |         |
| 175 | Tạ Thị          | San    | <b>TAB175</b> | 24/5/1976  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 6,5       | 4,0       | 4,0      | <b>5,5</b> | Trung bình       |         |
| 176 | Chu Bá          | Son    | <b>TAB176</b> | 09/7/1992  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,5      | 7,0       | 6,0       | 4,0      | <b>6,4</b> | Trung bình       |         |
| 177 | Hoàng Thị       | Son    | <b>TAB177</b> | 19/8/1972  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 8,0       | 8,5       | 6,0      | <b>7,5</b> | Khá              |         |
| 178 | Nguyễn Văn      | Son    | <b>TAB178</b> | 02/02/1995 | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 7,5       | 5,5       | 6,0      | <b>6,6</b> | Trung bình       |         |
| 179 | Lương Thị       | Tám    | <b>TAB179</b> | 25/10/1970 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,5      | 6,0       | 5,0       | 3,0      | <b>5,4</b> | Trung bình       |         |

| TT  | Họ và tên       |       | SBD           | Ngày sinh  | Nơi sinh                            | Điểm đọc | Điểm viết | Điểm nghe | Điểm nói | Điểm TBC   | Kết quả xếp loại | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------|---------------|------------|-------------------------------------|----------|-----------|-----------|----------|------------|------------------|---------|
| 180 | Dương Thị       | Tâm   | <b>TAB180</b> | 05/6/1979  | Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 7,0       | 7,5       | 5,0      | <b>6,8</b> | Trung bình       |         |
| 181 | Đỗ Thị          | Tâm   | <b>TAB181</b> | 18/02/1992 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 7,5       | 8,0       | 6,0      | <b>7,3</b> | Khá              |         |
| 182 | Tiêu Thị        | Tâm   | <b>TAB182</b> | 08/7/1989  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 6,5      | 6,5       | 8,0       | 7,0      | <b>7,0</b> | Khá              |         |
| 183 | Đỗ Xuân         | Thái  | <b>TAB183</b> | 21/02/1981 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0      | 6,0       | 6,5       | 6,0      | <b>6,6</b> | Trung bình       |         |
| 184 | Vũ Văn          | Thái  | <b>TAB184</b> | 30/8/1978  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,5      | 6,5       | 6,5       | 6,5      | <b>7,0</b> | Khá              |         |
| 185 | Dương Thị       | Chanh | <b>TAB185</b> | 02/1974    | Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,5      | 8,0       | 4,0       | 4,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 186 | Lê Thị          | Thanh | <b>TAB186</b> | 12/9/1976  | Xuân Phú- Yên Dũng - Bắc Giang      | 9,0      | 7,0       | 7,5       | 6,0      | <b>7,4</b> | Khá              |         |
| 187 | Nguyễn Thị Kim  | Thanh | <b>TAB187</b> | 06/12/1971 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 6,5      | 6,0       | 7,5       | 7,0      | <b>6,8</b> | Trung bình       |         |
| 188 | Thân Thị        | Thanh | <b>TAB188</b> | 02/4/1981  | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 7,5       | 5,5       | 6,0      | <b>6,6</b> | Trung bình       |         |
| 189 | Lê Thị Thu      | Thành | <b>TAB189</b> | 24/7/1985  | Cao Thượng - Tân Yên - Bắc Giang    | 8,0      | 7,5       | 5,5       | 5,0      | <b>6,5</b> | Trung bình       |         |
| 190 | Lê Thị          | Thảo  | <b>TAB190</b> | 15/12/1988 | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang       | 7,0      | 7,5       | 4,5       | 6,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 191 | Thân Thị        | Thảo  | <b>TAB191</b> | 21/3/1977  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     |          |           |           | -        | -          | -                | Bảo lưu |
| 192 | Nguyễn Thị      | Thế   | <b>TAB192</b> | 28/3/1981  | Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,0      | 6,5       | 4,5       | 5,0      | <b>6,0</b> | Trung bình       |         |
| 193 | Vũ Thị          | Thiện | <b>TAB193</b> | 08/4/1975  | Quang Tiến - Tân Yên - Bắc Giang    | 8,0      | 7,0       | 5,0       | 6,0      | <b>6,5</b> | Trung bình       |         |
| 194 | Hoàng Hữu       | Thiệp | <b>TAB194</b> | 24/4/1968  | Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 7,5       | 4,5       | 3,0      | <b>5,6</b> | Trung bình       |         |
| 195 | Nguyễn Tiến     | Thịnh | <b>TAB195</b> | 26/8/1967  | Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 5,0       | 5,5       | 3,0      | <b>5,3</b> | Trung bình       |         |
| 196 | Hoàng Thị Hương | Thoa  | <b>TAB196</b> | 15/3/1981  | Quý Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang      | 8,0      | 5,0       | 5,5       | 5,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 197 | Nguyễn Thị      | Thoa  | <b>TAB197</b> | 23/8/1974  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,5      | 8,0       | 6,0       | 4,0      | <b>6,4</b> | Trung bình       |         |
| 198 | Vũ Thị Hồng     | Thoan | <b>TAB198</b> | 03/9/1989  | Thanh Nghị - Thanh Liêm - Hà Nam    | 7,0      | 7,5       | 5,5       | 5,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 199 | Nguyễn Thị      | Thơm  | <b>TAB199</b> | 18/7/1992  | Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang  | 8,0      | 7,5       | 5,0       | 4,0      | <b>6,1</b> | Trung bình       |         |
| 200 | Tiêu Thị        | Thơm  | <b>TAB200</b> | 18/8/1981  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0      | 7,5       | 6,0       | 6,0      | <b>6,6</b> | Trung bình       |         |
| 201 | Trần Thị        | Thơm  | <b>TAB201</b> | 19/12/1970 | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0      | 6,5       | 6,0       | 6,0      | <b>6,4</b> | Trung bình       |         |
| 202 | Nguyễn Thị Dung | Thu   | <b>TAB202</b> | 27/7/1986  | Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5      | 7,5       | 8,0       | 6,0      | <b>7,3</b> | Khá              |         |
| 203 | Trần Thị        | Thu   | <b>TAB203</b> | 17/4/1994  | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang       | 7,0      | 6,0       | 6,5       | 7,0      | <b>6,6</b> | Trung bình       |         |
| 204 | Trương Thị      | Thu   | <b>TAB204</b> | 13/02/1976 | Yên Tiến - Ý Yên - Nam Định         | 7,5      | 7,0       | 6,5       | 4,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 205 | Phùng Thị       | Thuận | <b>TAB205</b> | 03/01/1979 | Khánh Thành - Yên Khánh - Ninh Bình | 8,0      | 8,0       | 6,5       | 6,0      | <b>7,1</b> | Khá              |         |
| 206 | Thân Thị        | Thuận | <b>TAB206</b> | 21/3/1977  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang     | 7,0      | 6,5       | 5,5       | 5,0      | <b>6,0</b> | Trung bình       |         |
| 207 | Trần Quang      | Thuận | <b>TAB207</b> | 13/6/1978  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0      | 6,5       | 5,0       | 5,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 208 | Vũ Thị          | Thùy  | <b>TAB208</b> | 03/6/1981  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 6,5      | 7,0       | 5,0       | 5,0      | <b>5,9</b> | Trung bình       |         |
| 209 | Diêm Thị Thu    | Thùy  | <b>TAB209</b> | 26/8/1974  | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0      | 6,0       | 6,0       | 6,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 210 | Giáp Thị        | Thủy  | <b>TAB210</b> | 02/1980    | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,0      | 6,5       | 4,5       | 5,0      | <b>6,0</b> | Trung bình       |         |
| 211 | Hồ Thị Bích     | Thủy  | <b>TAB211</b> | 18/3/1982  | Hà Linh - Hương Khê - Hà Tĩnh       | 7,0      | 7,5       | 5,5       | 5,0      | <b>6,3</b> | Trung bình       |         |
| 212 | Lương Thị       | Thủy  | <b>TAB212</b> | 01/7/1973  | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0      | 5,5       | 6,5       | 4,0      | <b>5,8</b> | Trung bình       |         |
| 213 | Nguyễn Thị      | Thủy  | <b>TAB213</b> | 17/11/1977 | Tân Hưng - Lạng Giang - Bắc Giang   | 7,5      | 8,0       | 8,0       | 6,0      | <b>7,4</b> | Khá              |         |

| TT  | Họ và tên        |        | SBD           | Ngày sinh  | Nơi sinh                          | Điểm<br>đọc | Điểm<br>viết | Điểm<br>nghe | Điểm<br>nói | Điểm<br>TBC | Kết quả<br>xếp loại | Ghi chú |
|-----|------------------|--------|---------------|------------|-----------------------------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|---------------------|---------|
| 214 | Ngô Thị          | Thúy   | <b>TAB214</b> | 01/4/1978  | Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang | 8,0         | 7,5          | 4,0          | 3,0         | <b>5,6</b>  | Trung bình          |         |
| 215 | Ngô Thị Diệu     | Thúy   | <b>TAB215</b> | 09/02/1978 | Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang  | 8,5         | 7,5          | 4,5          | 5,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 216 | Nguyễn Phương    | Thúy   | <b>TAB216</b> | 09/7/1977  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0         | 8,0          | 5,0          | 7,0         | <b>6,8</b>  | Trung bình          |         |
| 217 | Nguyễn Thị       | Thúy   | <b>TAB217</b> | 08/02/1984 | Mai Trung - Hiệp Hoà - Bắc Giang  | 8,0         | 7,0          | 6,5          | 7,0         | <b>7,1</b>  | Khá                 |         |
| 218 | Nguyễn Thị       | Thúy   | <b>TAB218</b> | 15/11/1977 | Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang | 8,0         | 8,5          | 7,5          | 6,0         | <b>7,5</b>  | Khá                 |         |
| 219 | Mã Thị           | Thư    | <b>TAB219</b> | 20/9/1966  | Tiên Thắng - Yên Thế - Bắc Giang  | 6,5         | 7,0          | 5,5          | 6,0         | <b>6,3</b>  | Trung bình          |         |
| 220 | Tạ Hoài          | Thư    | <b>TAB220</b> | 29/4/1968  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang | 6,5         | 7,5          | 4,0          | 3,0         | <b>5,3</b>  | Trung bình          |         |
| 221 | Nguyễn Thị       | Thư    | <b>TAB221</b> | 29/7/1984  | Châu Minh - Hiệp Hòa - Bắc Giang  | 7,0         | 7,0          | 3,5          | 6,0         | <b>5,9</b>  | Trung bình          |         |
| 222 | Giáp Dạ          | Thương | <b>TAB222</b> | 15/6/1995  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang  | 6,0         | 7,5          | 5,0          | 5,0         | <b>5,9</b>  | Trung bình          |         |
| 223 | Ngô Thị          | Tiền   | <b>TAB223</b> | 06/12/1980 | Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0         | 8,0          | 5,0          | 7,0         | <b>7,0</b>  | Trung bình          |         |
| 224 | Nguyễn Xuân      | Tiến   | <b>TAB224</b> | 20/6/1982  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5         | 5,5          | 5,0          | 3,0         | <b>5,3</b>  | Trung bình          |         |
| 225 | Dương Thị        | Tiếp   | <b>TAB225</b> | 29/9/1980  | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang     | 9,0         | 6,0          | 3,5          | 7,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 226 | Nguyễn Thị       | Tiếp   | <b>TAB226</b> | 27/11/1982 | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang     | 8,0         | 6,0          | 6,5          | 7,5         | <b>7,0</b>  | Khá                 |         |
| 227 | Vũ Thị           | Tiếp   | <b>TAB227</b> | 18/5/1972  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5         | 7,0          | 4,5          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 228 | Nguyễn Thị       | Tình   | <b>TAB228</b> | 19/10/1980 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,5         | 6,0          | 4,5          | 5,0         | <b>5,8</b>  | Trung bình          |         |
| 229 | Nguyễn Thị Hồng  | Toan   | <b>TAB229</b> | 15/9/1972  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0         | 6,0          | 6,5          | 3,0         | <b>5,9</b>  | Trung bình          |         |
| 230 | Nguyễn Xuân      | Toan   | <b>TAB230</b> | 10/02/1984 | Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0         | 6,5          | 6,0          | 7,0         | <b>6,6</b>  | Trung bình          |         |
| 231 | Bùi Thị Huyền    | Trang  | <b>TAB231</b> | 06/10/1988 | Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0         | 6,5          | 6,0          | 7,5         | <b>7,0</b>  | Khá                 |         |
| 232 | Nguyễn Thị       | Trang  | <b>TAB232</b> | 05/7/1987  | Cao Xá - Tân Yên - Bắc Giang      | 7,5         | 6,5          | 5,0          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 233 | Trần Thị         | Trang  | <b>TAB233</b> | 05/5/1995  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang | 7,0         | 7,0          | 4,0          | 7,0         | <b>6,3</b>  | Trung bình          |         |
| 234 | Ngô Xuân         | Trường | <b>TAB234</b> | 30/01/1988 | Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang   |             |              |              | -           | -           | -                   | Bảo lưu |
| 235 | Nguyễn Thị Thanh | Tùng   | <b>TAB235</b> | 02/5/1975  | Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5         | 5,5          | 6,5          | 6,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 236 | Đỗ Hữu           | Tuyên  | <b>TAB236</b> | 20/11/1978 | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,0         | 7,5          | 4,5          | 7,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 237 | Nguyễn Thị       | Tuyên  | <b>TAB237</b> | 10/8/1988  | Nénh - Việt Yên - Bắc Giang       | 8,0         | 7,5          | 6,5          | 5,0         | <b>6,8</b>  | Trung bình          |         |
| 238 | Tạ Văn           | Tuyển  | <b>TAB238</b> | 25/8/1971  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang | 7,0         | 9,0          | 6,5          | 3,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 239 | Thân Thị         | Tuyết  | <b>TAB239</b> | 01/11/1990 | Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang  | 6,5         | 7,5          | 5,0          | 7,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |
| 240 | Tạ Thị Trâm      | Uyên   | <b>TAB240</b> | 19/3/1980  | Đa Mai - Bắc Giang                | 7,5         | 7,0          | 5,0          | 6,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 241 | Nguyễn Thị       | Vân    | <b>TAB241</b> | 20/02/1994 | Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang | 9,0         | 5,5          | 5,5          | 3,0         | <b>5,8</b>  | Trung bình          |         |
| 242 | Nguyễn Thị Thúy  | Vân    | <b>TAB242</b> | 04/8/1995  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang   | 7,0         | 7,0          | 5,5          | 6,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 243 | Mai Xuân         | Vinh   | <b>TAB243</b> | 05/11/1982 | Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang     | 8,0         | 7,5          | 4,0          | 5,0         | <b>6,1</b>  | Trung bình          |         |
| 244 | Nguyễn Thị       | Vinh   | <b>TAB244</b> | 04/8/1968  | Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,0         | 7,0          | 5,5          | 6,0         | <b>6,4</b>  | Trung bình          |         |
| 245 | Nguyễn Văn       | Vỹ     | <b>TAB245</b> | 15/6/1967  | Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang | 8,0         | 6,5          | 4,0          | 6,0         | <b>6,1</b>  | Trung bình          |         |

| TT  | Họ và tên           | SBD           | Ngày sinh  | Nơi sinh                           | Điểm<br>đọc | Điểm<br>viết | Điểm<br>nghe | Điểm<br>nói | Điểm<br>TBC | Kết quả<br>xếp loại | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------|------------|------------------------------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|---------------------|---------|
| 246 | Tổng Thị Xuân       | <b>TAB246</b> | 23/7/1982  | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 7,0         | 6,5          | 5,0          | 5,0         | <b>5,9</b>  | Trung bình          |         |
| 247 | Nguyễn Thị Minh Yên | <b>TAB247</b> | 25/3/1972  | Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang   | 8,0         | 7,5          | 4,5          | 7,0         | <b>6,8</b>  | Trung bình          |         |
| 248 | Dương Thị Yên       | <b>TAB248</b> | 15/5/1981  | Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang      | 6,5         | 7,5          | 5,0          | 5,0         | <b>6,0</b>  | Trung bình          |         |
| 249 | Hoàng Thị Hải Yên   | <b>TAB249</b> | 13/7/1967  | Cương Chính - Tiên Lữ - Hưng Yên   | 8,0         | 7,5          | 8,5          | 6,0         | <b>7,5</b>  | Khá                 |         |
| 250 | Nguyễn Thị Yên      | <b>TAB250</b> | 28/02/1994 | Thanh Sơn - Sơn Động - Bắc Giang   | 8,0         | 8,0          | 7,0          | 7,0         | <b>7,5</b>  | Khá                 |         |
| 251 | Nguyễn Thị Hải Yên  | <b>TAB251</b> | 20/4/1982  | Hương Sơn - Lạng Giang - Bắc Giang | 8,0         | 8,0          | 6,0          | 7,0         | <b>7,3</b>  | Khá                 |         |
| 252 | Nguyễn Thị Hải Yên  | <b>TAB252</b> | 12/01/1976 | Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang    | 8,0         | 7,5          | 7,0          | 6,0         | <b>7,1</b>  | Khá                 |         |
| 253 | Tạ Thị Hải Yên      | <b>TAB253</b> | 12/11/1993 | Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang  | 7,5         | 7,5          | 6,0          | 8,0         | <b>7,3</b>  | Khá                 |         |
| 254 | Trần Thị Yên        | <b>TAB254</b> | 11/11/1978 | Tam Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang     | 7,0         | 7,5          | 5,5          | 6,0         | <b>6,5</b>  | Trung bình          |         |

**Tổng số thí sinh theo danh sách:** 254

**Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau:** 7

**Số thí sinh bỏ thi:** 0

**Số thí sinh dự thi:** 247

**Số thí sinh không đạt yêu cầu:** 0

**Số thí sinh đạt yêu cầu:** 247

**Trong đó:**

Loại Giỏi 0

Loại Khá 48

Loại Trung bình 199

**Chủ tịch hội đồng kiểm tra**

*(Đã ký)*

**ThS. Đỗ Thị Huyền**

*Bắc Giang, ngày 30 tháng 7 năm 2018*

**Thư ký Hội đồng kiểm tra**

*(Đã ký)*

**ThS. Phan Văn Cường**